

Số: 758 /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày 11 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án thủy điện Nậm Xây Luông, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và kết quả cuộc họp của Tổ thẩm định theo Biên bản họp ngày 27/7/2023;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần phát triển năng lượng Hà Thành (Đơn vị nhận chuyển nhượng dự án từ Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Xây) tại Văn bản số 37/CV-HT ngày 27/6/2023; Văn bản số 16/CV-HT ngày 29/02/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nhà máy thủy điện Nậm Xây Luông và hồ sơ kèm theo nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 90/TTr-STNMT ngày 12/3/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần phát triển năng lượng Hà Thành; địa chỉ: số 041, đường Nguyễn Thiếp, tổ 27, phường Lào Cai, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy thủy điện Nậm Xây Luông, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Nậm Xây Luông.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Minh Hạ 3, xã Minh Lương và thôn Phiêng Đóng, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh

nghiệp 5300790005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17/12/2020 và thay đổi lần thứ 2 ngày 27/7/2022.

1.4. Mã số thuế: 5300790005.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thủy điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất lắp máy: 15,5 MW.

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần phát triển năng lượng Hà Thành

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Văn Bàn và các Sở, ngành có liên quan nếu để xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có những thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, chủ cơ sở phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Văn Bàn và các Sở ngành, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy thủy điện Nậm Xây Luông, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT. UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- UBND huyện Văn Bàn;
- Cty Cổ phần phát triển năng lượng Hà Thành (03 bản);
- PCVP1,3;
- Công TTĐT tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, KT2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hải



Handwritten text in red ink, appearing to be a signature or a set of initials, located in the upper right quadrant of the page.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo GPMT số: 758 /GPMT-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt tại khu vực Nhà máy thủy điện.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt tại khu vực Nhà điều hành, nhà ở cán bộ, công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Dòng nước thải số 1 (tương ứng với nguồn số 1): Suối Nậm Xây Luông, thôn Minh Hạ 3, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.
- Dòng nước thải số 2 (tương ứng với nguồn số 2): Suối Nậm Xây Luông, thôn Phiêng Đóng, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

2.2. Vị trí xả thải

- Dòng nước thải số 1 (tương ứng với nguồn số 1): Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2435161; Y = 430211.
- Dòng nước thải số 2 (tương ứng với nguồn số 2): Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2431910; Y = 430349.

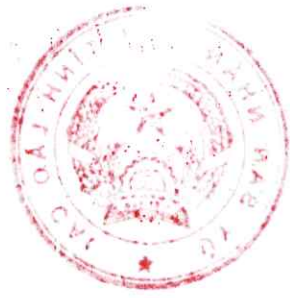
2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Dòng nước thải số 1: 05 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải số 2: 06 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt; cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi
2	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	



4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP) của Chính phủ
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4.0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Đạm mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat PO_4^{3-} (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

- Khu vực nhà máy: Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng thoát nước mưa PVC D63 - D90 sau đó chảy xuống rãnh thoát nước của nhà máy. Hệ thống rãnh thoát nước hở được xây bằng gạch có kích thước 30cm x 40cm, tổng chiều dài rãnh thoát nước là 110m, bố trí 01 hố ga lắng cặn, kích thước B300 (dài x rộng x sâu = 30cm x 40cm x 40cm) để thu gom toàn bộ nước mưa, nước mặt khu vực nhà máy thủy điện, nước thải sau đó thoát ra suối Nậm Xây Luông, thôn Minh Hạ 3, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Khu vực nhà điều hành, nhà ở cán bộ, công nhân: Nước mưa trên mái được thu dẫn vào các ống đứng thoát nước mưa PVC D63 - D90 sau đó chảy xuống hệ thống rãnh thoát nước. Hệ thống rãnh thoát nước mưa gồm 02 hệ thống:

+ Hệ thống thoát nước bằng bê tông có nắp đan B300, kích thước 30cm x 40cm, chiều dài 68,7m.

+ Hệ thống rãnh thoát nước hở B300, kích thước 30cm x 40cm, chiều dài 80,6m.

Toàn bộ nước mặt được thu gom qua hệ thống thoát rãnh thoát nước sau đó thoát ra suối Nậm Xây Luông, thôn Phiêng Đóng, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

b) Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà máy thủy điện: Được thu gom theo đường ống PVC đường kính 42mm dẫn về 01 bể tự hoại thể tích 05 m³, sau đó chảy vào đường ống PVC đường kính 42mm và thoát ra suối Nậm Xây Luông.



- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành, nhà ở cán bộ, công nhân:
- + Nước thải sinh hoạt từ 03 nhà vệ sinh tại 03 phòng nghỉ khép kín phía Đông cơ sở được thu gom theo đường ống PVC đường kính 110mm dẫn về xử lý tại 01 bể tự hoại thể tích 06 m³. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào rãnh thoát nước mưa rồi thoát ra suối Nậm Xây Luông.
- + Nước thải sinh hoạt từ 04 nhà vệ sinh tại 04 phòng nghỉ khép kín và 02 nhà vệ sinh chung phía Bắc cơ sở được thu gom theo đường ống PVC đường kính từ 110mm dẫn về xử lý tại 01 bể tự hoại thể tích 06 m³. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào rãnh thoát nước mưa rồi thoát ra suối Nậm Xây Luông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

1.2.1. Nguồn số 1: Khu vực nhà máy thủy điện:

- 01 bể tự hoại thể tích 5m³, bao gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng, thực hiện quá trình lắng cặn và lên men, phân huỷ sinh học kị khí cặn lắng.
- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà máy thủy điện → ngăn chứa 1 (*điều hoà, lắng, phân huỷ sinh học*) → ngăn 2 (*lắng, phân huỷ sinh học*) → ngăn 3 (*lắng, chứa*) → hệ thống rãnh thoát nước → Suối Nậm Xây Luông, thôn Minh Hạ 3, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.
- Định kỳ 6 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình xử lý nước thải.

1.2.2. Nguồn số 2: Khu vực nhà điều hành, nhà ở cán bộ, công nhân.

- 02 bể tự hoại thể tích 6m³/bể, bao gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng, thực hiện quá trình lắng cặn và lên men, phân huỷ sinh học kị khí cặn lắng.
- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành, nhà ở cán bộ, công nhân → ngăn chứa 1 (*điều hoà, lắng, phân huỷ sinh học*) → ngăn 2 (*lắng, phân huỷ sinh học*) → ngăn 3 (*lắng, chứa*) → hệ thống rãnh thoát nước → Suối Nậm Xây Luông thôn Phiêng Đổng, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn.
- Định kỳ 6 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

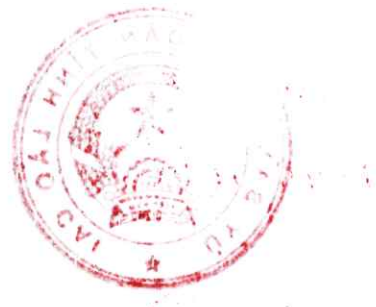
3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình nhà máy hoạt động.



3.3. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước thải ra môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A tại phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.



Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo GPMT số: 758/GPMT-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của nhà máy thủy điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực nhà máy thủy điện Nậm Xây Luông, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tọa độ: X=2434867; Y=430149.

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức gia tốc rung cho phép (dB)	Ghi chú
1	06 giờ - 21 giờ	70	Khu vực thông thường
	21 giờ - 06 giờ	60	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình nhà máy vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Chủ cơ sở chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động ảnh hưởng từ hoạt động của nhà máy.



Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo GPMT số: 758/GPMT-UBND ngày 11 / 4 / 2024 của UBND tỉnh)



A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	3.447
2	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	Lỏng	17 03 04	2.545
3	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	18 02 01	02
Tổng khối lượng				5.994

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt	100 kg/năm
2	Bùn nạo vét lòng hồ	22.100 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

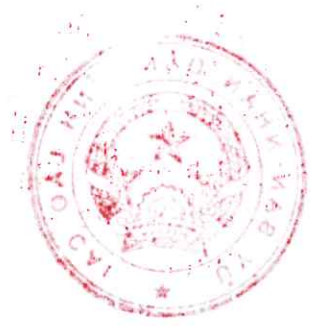
- Thiết bị lưu chứa: CTNH chứa vào 05 thùng phi dung tích 200lít, có nắp đậy, chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH):

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa CTNH: Mặt sàn bê tông, cos cao hơn mặt bằng khoảng 20cm đảm bảo không tràn nước từ ngoài vào. Nhà kho cấu tạo bằng tôn sắt, có khóa, có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định. CTNH được thu gom vào các thùng phi và có dán biển báo phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo định kỳ hằng năm về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo môi trường định kỳ.



2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn

- **Chất thải rắn sinh hoạt:** Bố trí 06 cặp thùng chứa dung tích 60 lít, đặt tại khu vực nhà máy, nhà điều hành để thực hiện thu gom, phân loại chất thải. Chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định. Chất thải vô cơ khối lượng không lớn, lưu trữ phía ngoài nhà máy và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- **Bùn vớt lòng hồ:** Thực hiện quản lý bùn thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC SỰ CỐ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

- Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành nhà máy; Thường xuyên kiểm tra, giám sát hiện tượng xói lở dọc hai bờ suối Nậm Xây Luông và phía hạ lưu, thượng lưu đập để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các tác động đến môi trường xung quanh trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện Nậm Xây Luông.

- Thực hiện các giải pháp về quản lý an toàn đập theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Tuân thủ nghiêm túc quy trình vận hành hồ chứa nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng đập, kiểm tra định kỳ trước và sau các mùa mưa lũ; bố trí cán bộ thường xuyên theo dõi các tuyến đập, khi phát hiện các sự cố như vết nứt thân đập phải có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.



ҚАЗАҚСТАН РЕСПУБЛИКАСЫНЫҢ
БІЛІМ ЖӘНЕ ҒЫЛЫМ МИНИСТРЛІГІ

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo GPMT số: 758/GPMT-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thường xuyên rà soát, thu gom chất thải phát sinh trong lòng hồ chứa, đặc biệt là sau các đợt mưa, lũ (*bao gồm cả rác thải từ thượng nguồn chảy về hồ*). Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt (*bao gồm cả rác thải lòng hồ*), chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

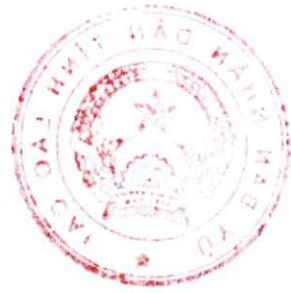
3. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

4. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình nhà máy vận hành.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

SECRET



SECRET

SECRET

SECRET

SECRET

SECRET

SECRET